

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Th

Bà Phạm Thị B

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Hu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T; nơi cư trú: Tổ dân phố L 6, phường T, quận Hn, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hải H; nơi ĐKKHKT: Số 18/17/320 đường L, phường M, quận N, thành phố H; hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 4 Trại giam V (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh V); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hải H kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N,

thành phố H ngày 31/12/2002. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa chỉ số 18/17/320 (số cũ 10B/320) đường L, phường M, quận N, thành phố H. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng mất niềm tin với nhau. Anh H đã nhiều lần vi phạm pháp luật; đến năm 2005, anh Nguyễn Hải H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Anh H hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 4 Trại giam V (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh V). Trong thời gian anh H thi hành án, chị T không liên lạc và không thăm nom anh nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trầm trọng. Hiện nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian chấp hành án của anh H còn dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hải H có một con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001. Khi ly hôn, con Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hải H hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 4 Trại giam V nên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hải H vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có bản tự khai gửi Tòa án, quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T đã trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn chung quan điểm sống và anh vi phạm pháp luật nên phải thi hành án cho đến nay. Hiện nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân quận N, anh H đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Hải H và chị Nguyễn Thị Thanh T có một con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12/6/2001, anh H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hải H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt tại phiên tòa có lý do và đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh Định. Con chung Nguyễn Ngọc H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Hải H đăng ký hộ khẩu thường trú và trước khi thi hành án phạt tù cư trú trên địa bàn quận Nnên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ntheo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hải H đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 4 Trại giam V (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh V) nên không có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có lý do chính đáng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hải H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T và anh H đã trình bày nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp theo quy định tại các điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh chị chung sống bình thường đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2005, anh H vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Hiện nay, anh Nguyễn Hải H đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 4 Trại giam V.

Kể từ khi anh H đi thi hành án phạt tù, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thời gian cải tạo của anh H còn dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Quá trình chung sống chị T và anh H có một con chung như anh chị trình bày. Anh H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành (trên 18 tuổi), chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị T và anh H thống nhất trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Hải H.

2. Về việc nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hải H có một con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006632 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hải H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường M, quận N, thành phố H (ĐKKH ngày 31/12/2002);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh T